

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2023/KDTM-ST
Ngày: 22-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga

2. Bà Phan Thị Dòn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2023/TLST-KDTM ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 433/2023/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 364/2023/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Dương K** hoặc ông **Nguyễn Thành**

T

Địa chỉ: Tầng 1 Tòa nhà ACM số 96 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền lập ngày 11/9/2023)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Cơ khí xây dựng T

Trụ sở: D1/27 Quốc lộ 1A, khu phố 4 thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Việt T**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: B18.18 Daimond Riverside 1646 Võ Văn Kiệt, phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Việt T**, sinh năm: 1988
Địa chỉ: B18.18 Daimond Riverside 1646 Võ Văn Kiệt, phường 16, Quận 8,
Thành phố Hồ Chí Minh
(ông T có mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt không lý do tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V là ông Trần Dương Khang, ông Trần Huỳnh Lam trình bày:

Công ty TNHH Cơ Khí Xây Dựng T được cấp giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số TK130743013 ngày 17/08/2018 hạn mức 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng), thời hạn 60 tháng, lãi suất trong hạn 25%/năm và ngày 07/05/2021 Ngân hàng TMCP V cấp Hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/21274 với số tiền hạn mức vay 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh thương mại sắt, thép; hiện đang nợ khế ước nhận nợ số: 11032022-3941970-ONL-2, số tiền nhận nợ là 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn cho vay 5 tháng, lãi suất là 16,2%/ năm

Khoản tín dụng cấp cho Công ty TNHH Cơ Khí Xây Dựng T được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của cá nhân của ông Phạm Việt T theo Hợp đồng bảo lãnh số: H09/2127/HDBL ngày 07 tháng 05 năm 2021. Khoản tín dụng cấp cho Công ty TNHH Cơ Khí Xây Dựng T không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH Cơ Khí Xây Dựng T, ông Phạm Việt T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ bảo lãnh. VPBank đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty TNHH Cơ Khí Xây Dựng T, ông Phạm Việt T để yêu cầu trả nợ, nghĩa vụ bảo lãnh nhưng các bên vẫn cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ bảo lãnh cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu Công ty TNHH cơ khí xây dựng T phải trả ngay một lần cho VPBank tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 01/8/2023 là:

Nợ gốc thẻ: 45.625.750 đồng,

Nợ lãi thẻ là 23.317.590 đồng,

Nợ gốc hạn mức: 738.999.172 đồng

Nợ lãi + chậm trả lãi hạn mức: 185.099.355 đồng

Tổng cộng: 993.041.867 đồng (chín trăm chín mươi ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng)

Công ty T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank

Tuyên buộc ông Phạm Việt T có trách nhiệm dùng toàn bộ tài sản cá nhân để trả nợ cho khoản nợ của công ty T theo hợp đồng bảo lãnh số H09/2127/HDBL ngày 07/5/2021

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành T trình bày:

Đối với hợp đồng cho vay hạn mức H09/21274 ngày 07/5/2021 thì từ ngày 30/3/2023 đến 01/9/2023 Công ty T đã thanh toán thêm số tiền nợ gốc của khoản vay này là 20.010.185 đồng nhưng người đại diện ủy quyền trước đây chưa cập nhật nên tại phiên tòa hôm nay, ông xác nhận Ngân hàng VPBank xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với một phần nợ gốc của khoản vay này là 20.010.185 đồng (hai mươi triệu không trăm mười nghìn một trăm tám mươi lăm đồng). Do đó, khoản vay này tính đến ngày 22/9/2023 công ty T còn nợ số tiền là 927.023.925 đồng (chín trăm hai mươi bảy triệu không trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng) trong đó nợ gốc là 718.988.987 đồng, nợ lãi trong hạn 8.912.608 đồng, nợ lãi chậm trả 996.259 đồng, nợ lãi quá hạn 198.126.071 đồng.

Đối với giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số TK130743013 ngày 17/08/2018 thì tính đến ngày 22/9/2023 thì Công ty T còn nợ V tổng số tiền là 69.206.139 đồng (sáu mươi chín triệu hai trăm lẻ sáu nghìn một trăm ba mươi chín đồng) trong đó nợ gốc là 45.625.751 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.580.388 đồng.

Các yêu cầu còn lại ông đại diện V vẫn giữ nguyên.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2023, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 01/8/2023 người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Cơ khí xây dựng T là ông Phạm Việt T, ông T đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông là người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH cơ khí xây dựng T. Công ty T có ký 01 hợp đồng hạn mức với ngân hàng TMCP V để vay số tiền 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng) và 01 giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức cấp tín dụng là 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng)

Do công ty làm ăn khó khăn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với 02 hợp đồng nêu trên. Tính đến ngày 01/8/2023 công ty còn nợ ngân hàng là 993.041.867 đồng. đây là gốc và lãi của hợp đồng hạn mức và giấy phát hành thẻ theo bản tự khai của nguyên đơn lập ngày 01/8/2023) thì ông đại diện công ty đồng ý trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi nêu trên nhưng hiện tại công ty đang gặp khó khăn về kinh tế nên chưa thể trả ngay cho ngân hàng được. Công ty đề nghị trả góp cho ngân hàng mỗi tháng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Công ty đồng ý để ngân hàng tiếp tục tính lãi trên số tiền mà công ty chưa trả

Với tư cách là người ký hợp đồng bảo lãnh ngày 07/5/2021 nếu công ty T không thực hiện đầy đủ hoặc không thực hiện nghĩa vụ với ngân hàng thì ông sẽ thực hiện đúng nghĩa vụ của ông tại hợp đồng bảo lãnh đã ký

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 317, 335, 336, khoản 1 Điều 339, Điều 342, Điều 463, Điều 464 và Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định định về án phí, lệ phí Tòa án

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc mà nguyên đơn rút tại phiên tòa.

Về án phí: Công ty TNHH Cơ khí xây dựng T chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP V khởi kiện Công ty TNHH cơ khí xây dựng T yêu cầu Công ty T phải trả cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc và lãi của giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số TK130743013 ngày 17/8/2018 và hợp đồng cho vay hạn mức ngày 07/5/2021 giữa V và công ty T. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Ngân hàng V với Công ty T là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Công ty T có trụ sở tại địa chỉ D1/27 Quốc lộ 1A, khu phố 4 thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/21274 ngày 07/5/2021 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số TK130743013 ngày 17/8/2018 giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH Cơ khí xây dựng T đều được ký kết bởi người có thẩm quyền. Các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ về hình thức và nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật

về điều kiện cấp hạn mức tín dụng, lãi suất ... quy định tại khoản 2 Điều 91 luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn thừa nhận có ký các văn bản trên với Ngân hàng và ngân hàng đã giải ngân cho công ty theo văn bản mà hai bên đã ký. Như vậy Hợp đồng cho vay hạn mức tín dụng số H09/21274 ngày 07/5/2021 và giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số TK130743013 ngày 17/8/2018 là có thật và hợp pháp, có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng cho vay hạn mức số H09/21274 ngày 07/5/2021 theo khế ước nhận nợ số 110322-3941970-ONL-2:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận có ký với ngân hàng TMCP Vm một hợp đồng cho vay hạn mức số H09/21274 ngày 07/5/2021 theo khế ước nhận nợ số 110322-3941970-ONL-2 thì bị đơn vay số tiền 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất vay 16,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn vay 05 tháng từ ngày 11/3/2022 đến 11/8/2022, hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 738.999.172 đồng (bảy trăm ba mươi tám triệu chín trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy mươi hai đồng)

Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn xác định từ ngày 30/3/2023 đến 01/9/2023 bị đơn đã thanh toán thêm cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 20.010.185 đồng và có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc đã thanh toán là 20.010.185 đồng (hai mươi triệu không trăm mười nghìn không trăm tám mươi lăm đồng) vì vậy tính đến ngày 22/9/2023 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền của hợp đồng này là 927.023.925 đồng trong đó nợ gốc là 718.988.987 đồng, nợ lãi trong hạn là: 8.912.608 đồng, nợ lãi quá hạn là: 198.126.071 đồng, nợ lãi chậm trả là: 966.259 đồng (có bảng tính lãi kèm theo)

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng Vnên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu này của nguyên đơn buộc bị đơn Công ty TNHH Cơ khí xây dựng T phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/9/2023 là 927.023.925 đồng trong đó nợ gốc là 718.988.987 đồng, nợ lãi trong hạn là: 8.912.608 đồng, nợ lãi quá hạn là: 198.126.071 đồng, nợ lãi chậm trả là: 966.259 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 20.010.185 đồng (hai mươi triệu không trăm mười nghìn không trăm tám mươi lăm đồng)

Căn cứ vào hợp đồng bảo lãnh số H09/2127/HDBL ngày 07/5/2021 giữa Ngân hàng TMCP V với ông Phạm Việt T thì trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì ông Phạm Việt T có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của công ty T đối với Ngân hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp bị đơn Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không

đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì ông T có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty T.

[3.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi của giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số TK130743013 ngày 17/8/2018:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có thừa nhận có ký vào giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số TK130743013 ngày 17/8/2018 và hiện nay còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc của khoản nợ này là 45.625.750 đồng (bốn mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng)

Tại phiên tòa nguyên đơn xác định tính đến ngày 22/9/2023 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền của khoản vay này là 69.206.139 đồng trong đó nợ gốc là: 45.625.751 đồng, lãi quá hạn là: 23.580.388 đồng (có bảng tính lãi kèm theo)

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng Vnên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu này của nguyên đơn buộc bị đơn Công ty TNHH Cơ khí xây dựng T phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/9/2023 là 69.206.139 đồng (sáu mươi chín triệu hai trăm lẻ sáu nghìn một trăm ba mươi chín đồng) trong đó nợ gốc là: 45.625.751 đồng, lãi quá hạn là: 23.580.388 đồng.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên Hội đồng xét xử có cơ sở buộc bị đơn Công ty T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/21274 ngày 07/5/2021 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số TK130743013 ngày 17/8/2018 là 996.230.064 đồng (chín trăm chín mươi sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng)

Điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 quy định: *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”* *“Mức lãi suất hai bên thỏa thuận” hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án*”. Do đó, Công ty T phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/21274 ngày 07/5/2021 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số TK130743013 ngày 17/8/2018 giữa Ngân hàng với Công ty T kể từ ngày 23/9/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh

thương mại sơ thẩm theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty TNHH Cơ khí xây dựng T chịu 41.886.902 đồng (bốn mươi một triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm lẻ hai đồng)

[5] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 335, Điều 336, khoản 1 Điều 339, Điều 342, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty TNHH cơ khí xây dựng T.

1.1. Buộc Công ty TNHH cơ khí xây dựng T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 996.230.064 đồng (chín trăm chín mươi sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng) cụ thể như sau:

- Số tiền của hợp đồng cho vay hạn mức số H09/21274 ngày 07/5/2021 theo khế ước nhận nợ số 110322-3941970-ONL-2 là 927.023.925 đồng (nợ gốc là 718.988.987 đồng, nợ lãi trong hạn là: 8.912.608 đồng, nợ lãi quá hạn là: 198.126.071 đồng, nợ lãi chậm trả là: 966.259 đồng).

- Số tiền của giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số TK130743013 ngày 17/8/2018 là 69.206.139 đồng trong đó nợ gốc là: 45.625.751 đồng, lãi quá hạn là: 23.580.388 đồng.

1.2. Kể từ ngày 23/9/2023 Công ty TNHH cơ khí xây dựng T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/21274 ngày 07/5/2021 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số TK130743013 ngày 17/8/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V thì lãi suất mà Công ty TNHH cơ khí xây dựng T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V.

1.3. Trường hợp Công ty TNHH cơ khí xây dựng T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền vốn lãi như đã nêu trên của hợp đồng cho vay hạn mức số H09/21274 ngày 07/5/2021 theo khế ước nhận nợ số 110322-3941970-ONL-2 thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu ông Phạm Việt T có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH cơ khí xây dựng T theo như cam kết tại hợp đồng bảo lãnh số H09/2127/HDBL ngày 07/5/2021.

1.4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 20.010.185 đồng (hai mươi triệu không trăm mười nghìn không trăm tám mươi lăm đồng) của hợp đồng cho vay hạn mức số H09/21274 ngày 07/5/2021 theo khế ước nhận nợ số 110322-3941970-ONL-2.

2. Về án phí:

2.1. Công ty TNHH cơ khí xây dựng T phải chịu số tiền 41.886.902 đồng (bốn mươi một triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm lẻ hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 18.976.304 đồng (mười tám triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bốn đồng) mà Ngân hàng TMCP V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042437 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy

